

Số: 08 /ĐA-UBND

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2022

**ĐỀ ÁN**

**Tổ chức thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành  
khoa học công nghệ, văn hóa cơ sở và lưu trữ đối với viên chức làm việc  
trong các đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố Hà Nội năm 2022**

**Phần I**

**CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. Cơ sở pháp lý**

**1. Cơ sở pháp lý chung**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 22/11/2019;
- Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng CDNN viên chức;
- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
- Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy định hoạt động tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;
- Công văn số 6089/BGDĐT-GDTEX ngày 27/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi Bộ Nội vụ, Công văn số 3755/BGDĐT-GDTEX ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin

học; Công văn số 4645/SGD&ĐT-GDĐT-CN ngày 14/12/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố về việc ban hành Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Các Quyết định của UBND Thành phố về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Thành phố Hà Nội;

- Các văn bản pháp luật hiện hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

## **2. Cơ sở pháp lý chuyên ngành**

### **2.1. Chuyên ngành khoa học, công nghệ**

- Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn CDNN viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

- Thông tư số 01/2020/TT-BKHHCN ngày 20/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Thông tư 08/2021/TT-BKHHCN ngày 27/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ.

### **2.2. Chuyên ngành Văn hóa cơ sở**

- Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30/6/2016 của liên Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn CDNN viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở;

- Thông tư số 10/2019/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung và hình thức thi hoặc xét thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật.

### **2.3. Chuyên ngành Lưu trữ**

- Thông tư số 13/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn CDNN viên chức chuyên ngành lưu trữ.

## **II. Sự cần thiết xây dựng Đề án**

Thực hiện quy định về thăng hạng chức CDNN viên chức theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ, Thành phố đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thường xuyên tổ chức các kỳ thi thăng hạng CDNN viên chức nhằm mục tiêu

ơ cấu lại đội ngũ viên chức theo vị trí việc làm và CDNN viên chức; đồng thời, thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với đội ngũ viên chức và người lao động.

Đối với các chuyên ngành khoa học công nghệ, văn hóa cơ sở và lưu trữ, hiện nay, các Bộ chuyên ngành đã ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện của CDNN viên chức và tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN viên chức làm cơ sở để triển khai tổ chức việc thi hoặc xét thăng hạng CDNN viên chức. Viên chức của các chuyên ngành nêu trên đã được bổ nhiệm, xếp lương CDNN mới, được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn thăng hạng.

Do vậy, việc xây dựng Đề án “**Tổ chức thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành khoa học công nghệ, văn hóa cơ sở và lưu trữ đối với viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố Hà Nội năm 2022**” là cần thiết để tiếp tục nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ viên chức chuyên ngành chuyên ngành khoa học công nghệ, văn hóa cơ sở và lưu trữ, đáp ứng đúng yêu cầu công việc tại vị trí việc làm đang được phân công, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ và đảm bảo thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với viên chức.

## **Phần II**

### **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI**

#### **I. Mục đích**

1. Chuẩn hóa tiêu chuẩn CDNN viên chức theo đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm bảo quyền lợi cho đội ngũ viên chức; tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức; góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội của Thành phố.

#### **II. Yêu cầu**

1. Việc rà soát người đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng CDNN viên chức đảm bảo đúng đối tượng, khách quan, công bằng và đúng quy định của pháp luật;

2. Việc tổ chức thăng hạng CDNN chuyên ngành khoa học công nghệ, văn hóa cơ sở và lưu trữ đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh; thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật.

#### **III. Phạm vi**

Viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hoặc trực thuộc UBND Thành phố, các sở, cơ quan tương đương sở, UBND các quận, huyện, thị xã; đồng thời, đáp ứng các tiêu chí sau:

##### **1. Nhóm chức danh nghiên cứu khoa học**

Đang giữ CDNN Nghiên cứu viên hạng III, mã số V.05.01.03 và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng lên CDNN nghiên cứu viên chính hạng II, mã số V.05.01.02.

## **2. Nhóm chức danh công nghệ**

Đang giữ CDNN Kỹ thuật viên hạng IV, mã số V.05.02.08 và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng lên CDNN Kỹ sư hạng III, mã số V.05.02.07.

## **3. Nhóm chức danh văn hóa cơ sở**

Đang giữ CDNN Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV, mã số V.10.07.24 có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng lên CDNN Hướng dẫn viên văn hóa hạng III, mã số V.10.07.23.

## **4. Nhóm chức danh Lưu trữ**

Đang giữ CDNN Lưu trữ viên trung cấp hạng IV, mã số V.01.02.03 có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh Lưu trữ viên hạng III, Mã số V.01.02.02.

### **Phần III**

#### **SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CDNN VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC TƯƠNG ỨNG VỚI CDNN DỰ THI CÒN THIẾU THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

### **I. Số lượng, cơ cấu CDNN viên chức hiện có**

#### **1. Số lượng, cơ cấu viên chức theo CDNN chuyên ngành nghiên cứu khoa học**

Số viên chức đang giữ CDNN chuyên ngành nghiên cứu khoa học thuộc Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội là 22 người. Trong đó, Nghiên cứu viên chính hạng II là 2 người, nghiên cứu viên hạng III là 20 người.

Số lượng viên chức Nghiên cứu viên chính hạng II còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm là 10 người.

*(Biểu thống kê chi tiết kèm theo Phụ lục IA)*

#### **2. Số lượng, cơ cấu viên chức theo CDNN chuyên ngành công nghệ**

Số viên chức đang giữ CDNN chuyên ngành công nghệ là 338 người (thuộc 05 đơn vị đăng ký thăng hạng là Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Khoa học và công nghệ, UBND huyện Thường Tín, UBND huyện Chương Mỹ, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây). Trong đó, Kỹ sư hạng III là 273 người, Kỹ thuật viên hạng IV là 65 người.

Số lượng viên chức Kỹ sư hạng III còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm là 65 người.

*(Biểu thống kê chi tiết kèm theo Phụ lục IB)*

#### **3. Số lượng, cơ cấu viên chức theo CDNN chuyên ngành Lưu trữ**

Số viên chức đang giữ CDNN lưu trữ là 10 người (thuộc Sở Nội vụ Hà Nội); trong đó, Lưu trữ viên hạng III là 06 người, Lưu trữ viên trung cấp hạng IV là 04 người.

Số lượng viên chức Lưu trữ viên hạng III còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm là 04 người.

*(Biểu thống kê chi tiết kèm theo Phụ lục IC)*

#### **4. Số lượng, cơ cấu viên chức theo CDNN chuyên ngành Văn hóa cơ sở**

Số viên chức đang giữ CDNN văn hóa cơ sở là 05 người (thuộc UBND quận Long Biên); trong đó, Hướng dẫn viên văn hóa hạng III là 03 người, Hướng dẫn viên văn hóa hạng III là 02 người.

Số lượng viên chức Hướng dẫn viên văn hóa hạng III còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm là 02 người.

*(Biểu thống kê chi tiết kèm theo Phụ lục ID)*

### **Phần IV**

#### **TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ; DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN; NỘI DUNG, HÌNH THỨC THĂNG HẠNG**

##### **I. Tiêu chuẩn, điều kiện**

##### **1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung**

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng CDNN khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện chung như sau:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận CDNN ở hạng cao hơn liền kề hạng CDNN hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn CDNN dự thi hoặc xét thăng hạng.

Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của CDNN dự thi hoặc xét thăng hạng;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ CDNN hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn CDNN dự thi hoặc xét thăng hạng. Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận, đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, làm việc

ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tính làm căn cứ xếp lương ở CDNN hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng CDNN hiện giữ.

Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ CDNN hạng dưới liền kề so với hạng CDNN dự thi hoặc xét, tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng thăng hạng.

- Trường hợp viên chức chưa chuyển sang mã CDNN có ký hiệu chữ cái đầu tiên là (V) thì phải thực hiện việc chuyển sang CDNN có ký hiệu chữ cái đầu tiên là (V) trước khi thực hiện việc thi hoặc xét thăng hạng.

## **2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể**

### **2.1. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ từ hạng III lên hạng II**

Viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ đang làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập được đăng ký dự xét thăng hạng CDNN từ hạng III (nghiên cứu viên, kỹ sư) lên hạng II (nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

**2.1.1.** Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 115/2020/NĐ-CP).

**2.1.2.** Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đào tạo, bồi dưỡng của CDNN đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn CDNN viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHHCN-BNV) và Thông tư số 01/2020/TT-BKHHCN ngày 20/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2020/TT-BKHHCN).

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng thuộc đối tượng được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được xác nhận đáp ứng tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học khi đăng ký dự xét thăng hạng. Trường hợp không thuộc đối tượng miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-

CP thì trong hồ sơ dự xét phải có minh chứng đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của CDNN đăng ký dự xét thăng hạng.

**2.1.3.** Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ CDNN, cụ thể như sau:

a) Đối với viên chức đăng ký xét thăng hạng từ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) lên chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II):

Có thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

b) Đối với viên chức đăng ký xét thăng hạng từ chức danh kỹ sư (hạng III) lên chức danh kỹ sư chính (hạng II):

Có thời gian giữ chức danh kỹ sư (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh kỹ sư (hạng III) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Việc tính thời gian tương đương quy định tại khoản này thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

**2.1.4.** Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng phải đạt thêm số điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn như sau:

a) Đối với xét thăng hạng từ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) lên chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II):

Trong thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) hoặc tương đương đạt ít nhất 03 điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn, trong đó có ít nhất 01 điểm quy đổi từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc công bố bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín.

b) Đối với xét thăng hạng từ chức danh kỹ sư (hạng III) lên chức danh kỹ sư chính (hạng II):

Trong thời gian giữ chức danh kỹ sư (hạng III) hoặc tương đương đạt ít nhất 02 điểm quy đổi kết quả hoạt động chuyên môn, trong đó có ít nhất 01 điểm quy đổi từ kết quả chủ trì, tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc dự án, công trình, đề án từ cấp III trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật hoặc là tác giả của giải pháp hữu ích được cấp bằng độc quyền và được ứng dụng trong thực tiễn, bài báo khoa học được công bố.

Quy định về kết quả hoạt động chuyên môn được tính điểm quy đổi, tạp chí quốc tế có uy tín, bài báo khoa học, dự án, công trình, đề án thuộc chuyên ngành kỹ thuật và cách tính điểm quy đổi kết quả hoạt động chuyên môn thực hiện theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHHCN.

**2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng CDNN viên chức từ kỹ thuật viên hạng IV lên kỹ sư hạng III**

Viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ đang làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập được đăng ký dự xét thăng hạng CDNN từ kỹ thuật viên hạng IV lên kỹ sư hạng III khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

**2.2.1.** Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

**2.2.2.** Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đào tạo, bồi dưỡng của CDNN kỹ sư theo quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV và Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN.

Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng thuộc đối tượng được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được xác nhận đáp ứng tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học khi đăng ký dự xét thăng hạng. Trường hợp không thuộc đối tượng miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì trong hồ sơ dự xét phải có minh chứng đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của CDNN đăng ký dự xét thăng hạng.

**2.2.3.** Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ CDNN, cụ thể:

Có thời gian giữ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) hoặc tương đương tối thiểu là 03 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

Việc tính thời gian tương đương quy định tại khoản này thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

### **2.3. Tiêu chuẩn, điều kiện thi thăng hạng CDNN từ Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV lên Hướng dẫn viên văn hóa hạng III**

Viên chức đang giữ CDNN Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV (Mã số V.10.07.24) đăng ký dự thi thăng hạng lên Hướng dẫn viên văn hóa hạng III (Mã số V.10.07.23) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

**2.3.1.** Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

**2.3.2.** Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Có khả năng thực hiện nhiệm vụ của CDNN Hướng dẫn viên văn hóa hạng III theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 10/2019/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Đảm bảo các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 10/2019/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

**2.3.3.** Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành văn hóa;



- Có trình độ ngoại ngữ từ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hướng dẫn viên văn hóa hạng III.

#### **2.3.4. Tiêu chuẩn về thời gian giữ CDNN**

- Có thời gian công tác giữ chức danh hướng dẫn viên văn hóa hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm đối với trình độ cao đẳng hoặc tối thiểu đủ 03 (ba) năm đối với trình độ trung cấp.

#### **2.4. Tiêu chuẩn, điều kiện thi thăng hạng CDNN từ Lưu trữ viên trung cấp hạng IV lên Lưu trữ viên hạng III (Mã số V.01.02.02)**

Viên chức đang giữ CDNN Lưu trữ viên trung cấp hạng IV (Mã số V.01.02.03) đăng ký dự thi thăng hạng lên Lưu trữ viên hạng III (Mã số V.01.02.02) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

**2.4.1. Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.**

#### **2.4.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ**

- Có khả năng thực hiện nhiệm vụ của CDNN Lưu trữ viên hạng III theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 13/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Đảm bảo các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 13/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

#### **2.4.3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:**

- Tốt nghiệp từ cao đẳng chuyên ngành văn thư, lưu trữ trở lên; nếu tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành lưu trữ;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 2 (hoặc tương đương) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

#### **2.3.4. Tiêu chuẩn về thời gian giữ CDNN**

- Viên chức thăng hạng từ chức danh lưu trữ viên trung cấp (hạng IV) lên chức danh lưu trữ viên (hạng III) phải có thời gian công tác giữ chức danh lưu trữ viên trung cấp (hạng IV) tối thiểu từ đủ 3 (ba) năm trở lên.

## **2.5. Miễn thi ngoại ngữ, tin học**

### **2.5.1. Miễn thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:**

- Viên chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác;  
- Viên chức có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số;

- Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học chuyên ngành ngoại ngữ hoặc có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của CDNN dự thi.

- Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học hoặc có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của CDNN dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

Trường hợp Viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ của ngạch dự thi và hồ sơ dự thi nâng ngạch không cần chứng chỉ thể hiện trình độ ngoại ngữ.

**2.5.2** Miễn thi môn tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin.

Trường hợp viên chức được miễn thi môn tin học thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn tin học của ngạch dự thi và hồ sơ dự thi nâng ngạch không cần chứng chỉ thể hiện trình độ tin học.

## **II. Danh sách dự thi thăng hạng và trách nhiệm quản lý hồ sơ**

### **1. Danh sách dự thi thăng hạng**

Trên cơ sở kiểm tra, rà soát về điều kiện, tiêu chuẩn, có 103 viên chức đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng. Cụ thể như sau:

- Có 4 viên chức đang giữ CDNN Nghiên cứu viên hạng III, mã số V.05.01.03 và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng lên CDNN nghiên cứu viên chính hạng II, mã số V.05.01.02.

- Có 17 viên chức đang giữ CDNN Kỹ thuật viên hạng IV, mã số V.05.02.08 và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng lên CDNN Kỹ sư hạng III, mã số V.05.02.07.

- Có 03 viên chức đang giữ CDNN Lưu trữ viên trung cấp hạng IV, mã số V.01.02.03 có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh Lưu trữ viên hạng III, mã số V.01.02.02.

- Có 01 viên chức đang giữ CDNN Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV, mã số V.10.07.24 có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng lên CDNN Hướng dẫn viên văn hóa hạng III, mã số V.10.07.23.

## **2. Thành phần hồ sơ và trách nhiệm quản lý hồ sơ**

### **2.1. Thành phần hồ sơ**

Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng CDNN bao gồm:

- Văn bản đề nghị của người đứng đầu đơn vị và danh sách trích ngang người được cử dự thi thăng hạng.

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng CDNN của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi hoặc xét thăng hạng. Cụ thể:

- + Bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

- + Chứng chỉ bồi dưỡng hạng CDNN dự thi hoặc dự xét thăng hạng.

- + Chứng chỉ thể hiện trình độ tin học và ngoại ngữ theo yêu cầu của CDNN dự thi thăng hạng.

- Bản sao các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm vào CDNN (ngạch); các quyết định điều động, bổ nhiệm (nếu có).

- Các văn bản, giấy chứng nhận để được xét miễn thi môn ngoại ngữ, môn tin học (nếu là đối tượng được xét miễn thi).

- Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo yêu cầu của hạng CDNN dự thi hoặc dự xét.

### **2.2. Trách nhiệm quản lý hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm. Bên ngoài bì hồ sơ có dán sơ mi ghi đầy đủ, theo thứ tự các thành phần hồ sơ của viên chức.

- Trách nhiệm quản lý hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, người đứng đầu cơ quan, đơn vị cử viên chức dự thi thăng hạng CDNN chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử dự thi và lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi của viên chức theo quy định của pháp luật.

- Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự thi thăng hạng. Viên chức sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp, kê khai không đúng sự thật để đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng từ cán sự lên chuyên viên khi bị phát hiện sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định và hủy kết quả thi thăng hạng theo quy định.

- Sở Nội vụ là cơ quan tham mưu giúp UBND Thành phố kiểm tra, rà soát các tiêu chuẩn, điều kiện của người dự thi; lập danh sách người đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi, trình UBND Thành phố phê duyệt và chịu trách nhiệm giúp UBND Thành phố quản lý hồ sơ của người dự thi thăng hạng viên chức theo quy định.

### **III. Hình thức, nội dung và thời gian thi thăng hạng**

#### **1. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành Khoa học, công nghệ**

Nội dung, hình thức xét thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2021/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ.. Cụ thể:

- Việc xét thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ được thực hiện thông qua Hội đồng xét thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ (Hội đồng xét thăng hạng).

- Hội đồng xét thăng hạng thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP

- Nội dung xét thăng hạng: Thẩm định việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng của các hồ sơ dự xét thăng hạng.

- Hình thức xét thăng hạng: Xét hồ sơ, thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 08/2021/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

#### **2. Thi thăng hạng viên chức chuyên ngành Lưu trữ, chuyên ngành Văn hóa cơ sở**

Nội dung và hình thức thi thăng hạng CDNN được thực hiện theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Việc thi trắc nghiệm môn Kiến thức chung và môn Ngoại ngữ được thực hiện trên máy vi tính nên không phải thi môn tin học. Hình thức, nội dung, thời gian thi cụ thể như sau:

##### **2.1. Môn kiến thức chung:**

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy tính;

- Nội dung thi: 60 câu hỏi về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật về ngành, lĩnh vực sự nghiệp, pháp luật về viên chức theo yêu cầu của CDNN dự thi;

- Thời gian thi: 60 phút.

##### **2.2. Môn ngoại ngữ:**

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy tính;

- Nội dung thi: 30 câu hỏi về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc theo yêu cầu của CDNN dự thi do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thi thăng hạng CDNN quyết định;

- Thời gian thi: 30 phút.

### **2.3. Môn nghiệp vụ chuyên ngành:**

- Hình thức thi: Thi viết;

- Nội dung thi: Theo yêu cầu của CDNN dự thi;

- Thời gian thi: 120 phút; bài thi được chấm theo thang điểm 100.

### **2.4. Thông báo kết quả**

Kết quả thi trên máy tính được thông báo đến viên chức dự thi được biết ngay sau khi kết thúc thời gian làm bài thi trên máy vi tính. Không phúc khảo kết quả thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

Việc thông báo kết quả bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 40 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ.

### **2.5. Miễn thi môn ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:**

- Viên chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác;

- Viên chức có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số;

- Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học chuyên ngành ngoại ngữ hoặc có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của CDNN dự thi;

- Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học hoặc có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của CDNN dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

## **Phần V**

### **CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN KỲ THI THĂNG HẠNG**

#### **I. Chỉ tiêu thăng hạng**

Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về xác định số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức; đảm bảo bằng hoặc thấp hơn số lượng viên chức tương ứng với CDNN dự thi còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm của cơ quan sử dụng viên chức chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, báo cáo của Sở Nội vụ, UBND Thành phố xác định chỉ tiêu kỳ thi thăng hạng viên cụ thể như sau:

- Thăng hạng viên chức từ Nghiên cứu viên hạng III, mã số V.05.01.03 lên nghiên cứu viên chính hạng II, mã số V.05.01.02 là 04 chỉ tiêu.

- Thăng hạng từ Kỹ thuật viên hạng IV, mã số V.05.02.08 lên Kỹ sư hạng III, mã số V.05.02.07 là 17 chỉ tiêu.

- Thăng hạng từ Lưu trữ viên trung cấp hạng IV, mã số V.01.02.03 lên Lưu trữ viên hạng III, mã số V.01.02.02 là 03 chỉ tiêu.

- Thăng hạng từ Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV, mã số V.10.07.24 lên Hướng dẫn viên văn hóa hạng III, mã số V.10.07.23 là 01 chỉ tiêu.

*(Chỉ tiêu thăng hạng các chức danh được thống kê theo Phụ lục IA, IB, IC, ID)*

## **II. Xác định người trúng tuyển**

### **1. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ**

#### **1.1. Nguyên tắc xác định người trúng tuyển**

**1.1.1.** Đối với kỳ xét thăng hạng CDNN từ hạng II lên hạng I và từ hạng III lên hạng II

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là viên chức được Hội đồng xét thăng hạng thẩm định đạt đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh dự xét, bao gồm cả số điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn theo quy định và lấy theo thứ tự điểm quy đổi kết quả hoạt động chuyên môn từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu thăng hạng CDNN được giao.

**1.1.2.** Đối với kỳ xét thăng hạng CDNN từ hạng IV lên hạng III

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là viên chức được Hội đồng xét thăng hạng thẩm định đạt đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh dự xét.

Trường hợp số viên chức đăng ký dự xét thăng hạng từ hạng IV lên hạng III vượt quá chỉ tiêu xét thăng hạng thì thực hiện quy đổi điểm khi thẩm định tiêu chuẩn về năng lực chủ trì, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với trường hợp xét thăng hạng lên chức danh nghiên cứu viên) hoặc năng lực chủ trì, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dự án, công trình, đồ án chuyên ngành kỹ thuật (đối với trường hợp xét thăng hạng lên chức danh kỹ sư). Xác định người trúng tuyển theo thứ tự điểm quy đổi từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu thăng hạng CDNN được giao. Việc tính điểm quy đổi được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BKHHCN.

**1.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có số điểm quy đổi bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:**

- Viên chức là nữ;
- Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

Trường hợp vẫn không xác định được người trúng tuyển thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng CDNN xem xét, quyết định sau khi trao đổi với người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức.

**2. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành Lưu trữ, Văn hóa cơ sở**

- Có số câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng môn thi trắc nghiệm (trừ trường hợp miễn thi).

- Có tổng kết quả điểm bài thi môn nghiệp vụ chuyên ngành đạt từ 50 điểm trở lên và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng CDNN được giao.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng kết quả điểm bài thi môn nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau ở chỉ tiêu thăng hạng CDNN cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau: Viên chức là nữ; viên chức là người dân tộc thiểu số; viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh); viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

Nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thi thăng hạng CDNN có văn bản trao đổi với người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức.

- Không bảo lưu kết quả cho các kỳ thi thăng hạng CDNN lần sau.

## **Phần VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **I. Công tác chuẩn bị**

Trên cơ sở Đề án của UBND Thành phố, giao Giám đốc Sở Nội vụ thực hiện các nội dung sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện thi và xét thăng hạng CDNN chuyên ngành khoa học công nghệ, văn hóa cơ sở và lưu trữ đối với viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố Hà Nội năm 2022 đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Quyết định thành lập Hội đồng thi và xét thăng hạng để tổ chức thực hiện thi và xét thăng hạng CDNN chuyên ngành khoa học công nghệ, văn hóa cơ sở và lưu trữ.

3. Chỉ đạo Hội đồng thi ban hành kế hoạch tổ chức thi và xét thăng hạng viên chức.

4. Quyết định công nhận kết quả thi và xét thăng hạng và hướng dẫn các đơn vị bổ nhiệm CDNN đối với các viên chức trúng tuyển kỳ thi thăng hạng.

5. Tổng hợp kết quả tổ chức thăng hạng và báo cáo UBND Thành phố.

#### **II. Dự kiến thời gian, địa điểm và các nội dung khác để tổ chức kỳ thi**

##### **1. Thời gian tổ chức thi thăng hạng**

Dự kiến tổ chức vào tháng 9/2022 và tháng 10/2022.

##### **2. Địa điểm tổ chức thi thăng hạng**

Giao Hội đồng thi thăng hạng có văn bản thông báo cụ thể về địa điểm tổ chức thi thăng hạng.

### 3. Kinh phí

Kinh phí tổ chức thi thăng hạng được trích từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, UBND Thành phố đã giao cho Sở Nội vụ để tổ chức thăng hạng viên chức.

Mức thu, chế độ thu, việc quản lý và sử dụng lệ phí dự thi thăng hạng được thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Việc thực hiện chế độ tài chính của kỳ thi thăng hạng được thực hiện theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố về việc ban hành Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Trên đây là Đề án tổ chức thi và xét thăng hạng CDNN chuyên ngành khoa học công nghệ, văn hóa cơ sở và lưu trữ đối với viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố Hà Nội năm 2022. Đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định./

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Chủ tịch UBND TP;
- PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn;
- Sở Nội vụ (5b);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- VP UBND TP: CVP; các PCVP;
- các phòng: NC, KGVX, TH;
- Lưu: VT, NC, SNV(ccvc).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn





Phụ lục IA

**SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ  
VÀ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ NĂM 2022**  
(Kèm theo Đề án số 08 /ĐA-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Tên cơ quan, tổ chức đơn vị	Tổng số biên chế được giao	Tổng số viên chức giữ chức danh NN	Số lượng, cơ cấu CDNN hiện có				Số lượng chỉ tiêu thăng hạng			Ghi chú
				Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng II lên hạng I	Hạng III lên hạng II	Hạng IV lên hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội	69	22	0	2	20	0	0	4	0	



Phụ lục IB

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ VÀ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU  
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ NĂM 2022  
(Kèm theo Đề án số 08 /ĐA-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Tên cơ quan, tổ chức đơn vị	Tổng số biên chế được giao	Tổng số viên chức giữ chức danh NN	Số lượng, cơ cấu CDNN hiện có				Số lượng chỉ tiêu thăng hạng			Ghi chú
				Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng II lên hạng I	Hạng III lên hạng II	Hạng IV lên hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	307	304	0	0	250	54	0	0	8	
2	Sở Khoa học và Công nghệ	10	3	0	0	1	2	0	0	2	
3	UBND huyện Thường Tín	52	7	0	0	6	1	0	0	1	
4	UBND huyện Chương Mỹ	39	18	0	0	16	2	0	0	1	
5	Trường Cao đẳng SP Hà Tây	6	6	0	0	0	6	0	0	5	
	TỔNG	414	338	0	0	273	65	0	0	17	



**Phụ lục IC**  
**SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH LƯU TRỮ**  
**VÀ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH LƯU TRỮ NĂM 2022**  
*(Kèm theo Đề án số 08 /ĐA-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2022 của UBND Thành phố Hà Nội)*

TT	Tên cơ quan, tổ chức đơn vị	Tổng số biên chế được giao	Tổng số viên chức giữ chức danh NN	Số lượng, cơ cấu CDNN hiện có				Số lượng chỉ tiêu thăng hạng			Ghi chú
				Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng II lên hạng I	Hạng III lên hạng II	Hạng IV lên hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Trung tâm Lưu trữ lịch sử, Chi cục Văn thư - Lưu trữ, Sở Nội vụ Hà Nội	23	10	0	0	6	4	0	0	3	



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phụ lục ID

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA CƠ SỞ  
VÀ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA CƠ SỞ NĂM 2022

(Kèm theo Đề án số 08 /ĐA-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Tên cơ quan, tổ chức đơn vị	Tổng số biên chế được giao	Tổng số viên chức giữ chức danh NN	Số lượng, cơ cấu CDNN hiện có			Số lượng chỉ tiêu thăng hạng		Ghi chú
				Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng III lên hạng II	Hạng IV lên hạng III	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	UBND quận Long Biên	17	5	0	3	2	0	1	



Phụ lục II A

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG CDNN TỪ  
NGHIÊN CỨU VIÊN HẠNG III LÊN NGHIÊN CỨU VIÊN CHÍNH HẠNG II NĂM 2022

(Kèm theo Đề án số 08 /ĐA-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN	Thời gian gần nhất giữ hạng cùng CDNN chuyên ngành đăng ký dự xét	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	20
1	Vũ Thúy Hiền		02/8/1981	Phó trưởng phòng	Phòng Nghiên cứu văn hóa - xã hội, Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	5 năm	16 năm	4.32	V.05.01.03	Tiến sỹ	Cao cấp LLCT	Nghiên cứu viên chính - Hạng II	UDCNTT CB	Anh B2	
2	Đỗ Thị Liên Vân		30/01/1977	Phó trưởng phòng	Phòng Nghiên cứu văn hóa - xã hội, Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	12 năm	12 năm	4.32	13,092	Tiến sỹ	Trung cấp LLCT	Nghiên cứu viên chính - Hạng II	UDCNTT CB	Anh B2	
3	Nguyễn Ngọc Tiếp	5/13/1987		Phó trưởng phòng	Phòng Nghiên cứu Kinh tế, Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội	13 năm	13 năm	3.33	13,092	Tiến sỹ	Trung cấp LLCT	Nghiên cứu viên chính - Hạng II	UDCNTT CB	Anh B2	
4	Đoàn Minh Ngà	7/15/1978		Nghiên cứu viên	Phòng Nghiên cứu Đô thị, Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội	12 năm	12 năm	3,99	13,092	Tiến sỹ (Nước ngoài)	Trung cấp LLCT	Nghiên cứu viên chính - Hạng II	B	Anh C	

Danh sách trên có 04 người./.



**Phụ lục II B**

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG CDNN TỪ KỸ SƯ HẠNG IV LÊN KỸ SƯ HẠNG III NĂM 2022**

(Kèm theo Đề án số 02 /ĐA-UBND ngày 22 tháng 1 năm 2022 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN	Thời gian gần nhất giữ hạng cùng CDNN chuyên ngành đăng ký dự xét	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	20
1	Nguyễn Thị Vân		03/12/1984	Trưởng phòng Phát triển thủy sản	Trung tâm Phát triển nông nghiệp Hà Nội, Sở NN và PTNT	12N5T	29/11/2021	3.34	V05.02.08	Đại học ngành Nuôi trồng thủy sản	Trung cấp	Kỹ sư Hạng III	UDCNT T CB	Anh A2	
2	Nguyễn Duy Hải	14/9/1976		Phó Trưởng phòng	Phòng Kỹ thuật, Trung tâm Cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội, Sở NN và PTNT	10N6T	25/6/2021	3.06	V.05.02.08	Đại học ngành chăn nuôi thú y	Trung cấp	Kỹ sư Hạng III	UDCNT T CB	Anh A2	
3	Nguyễn Hồng Phú	6/10/1972		Phó Trạm Trưởng	Ban quản lý rừng Phòng hộ - Đặc dụng Hà Nội, Sở NN và PTNT	08N	25/6/2021	4,06 + 5%	V.05,02,08	Thạc sỹ ngành kinh tế nông nghiệp	Trung cấp	Kỹ sư Hạng III	UDCNT T CB	Anh A2	
4	Nguyễn Văn Sơn	24/8/1985		Phó Trưởng Phòng	Ban quản lý rừng Phòng hộ - Đặc dụng Hà Nội, Sở NN và PTNT	08N	25/6/2021	2.86	V.05,02,08	Thạc sỹ ngành kinh tế nông nghiệp	Trung cấp	Kỹ sư Hạng III	B	Anh B1	
5	Nguyễn Quang Mạnh	13/7/1983		Kỹ thuật viên hạng IV	Phòng Quản lý dự án 1, Ban Quản lý và Duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn, Sở NN và PTNT	9N3T	31/12/2020	2,86	V.05.02.08	Đại học ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp		Kỹ sư Hạng III	UDCNT T CB	Anh B	
6	Phùng Thị Chi		26/4/1990	Kỹ thuật viên hạng IV	Phòng Quản lý dự án 2, Ban Quản lý và Duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn, Sở NN và PTNT	9N9T	22/4/2021	2,66	V.05.02.08	Đại học ngành Kỹ thuật công trình xây dựng		Kỹ sư Hạng III	UDCNT T CB	Anh C	
7	Đỗ Quang Lộc	30/3/1981		Kỹ thuật viên hạng IV	Phòng Quản lý dự án 2, Ban Quản lý và Duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn, Sở NN và PTNT	14N7T	31/12/2020	3,66	V.05.02.08	Đại học ngành công trình thủy lợi		Kỹ sư Hạng III	UDCNT T CB	Anh B1	
8	Nguyễn Văn Tư	26/2/1992		Kỹ thuật viên hạng IV	Phòng Dịch vụ thủy lợi, Ban Quản lý và Duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn, Sở NN và PTNT	8N10T	01/7/2020	2,46	V.05.02.08	Đại học-kỹ thuật công trình xây dựng		Kỹ sư Hạng III	B	Anh B	
9	Nguyễn Quang Nhật	08/4/1979		Kỹ thuật viên hạng IV	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở KH&CN	5N	20/7/2017	3,46	V.05.02.08	Đại học ngành Công nghệ Thông tin		Kỹ sư Hạng III	UDCNT T CB	Anh C	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN	Thời gian gần nhất giữ hạng cùng CDNN chuyên ngành đăng ký dự xét	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
10	Bùi Quốc Huy	30/10/1982		Kỹ thuật viên hạng IV	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở KH&CN	5N	20/7/2017	3,46	V.05.02.08	Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật điện		Kỹ sư Hạng III	UDCNT T CB	Anh B	
11	Dương Viết Hải	09/06/1988		Kỹ thuật viên hạng IV	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Thường Tín	6 năm	01/9/2016	2,86	V.05.02.08	ĐH ngành Điện tử viễn thông	Trung cấp	Kỹ sư Hạng III	UDCNT T CB	Anh B	
12	Đào Vương Uyên	12/5/1983		Kỹ thuật viên hạng IV	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Chương Mỹ	04 năm	04 năm	2.86	V.05.02.08	Thạc sỹ ngành quản lý kinh tế	Trung cấp	Kỹ sư Hạng III	UDCNT T CB	B1	
13	Nguyễn Văn Đức	8/16/1973		Trưởng ban	Ban quản lý KTX - Y tế, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	16N9T	01/12/2005	4.06	V.05.02.08	Kỹ sư Điện tử - Viễn thông	Trung cấp	Kỹ sư Hạng III	UDCNT T CB	Anh B1	
14	Vương Thanh Hải	3/30/1983		Kỹ thuật viên hạng IV	Phòng Hành chính - Quản trị, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	8N9T	01/5/2013	2.66	V.05.02.08	Kỹ sư Công nghệ thông tin		Kỹ sư Hạng III	Đại học	Anh B	
15	Chu Thị Minh Thương		10/8/1989	Kỹ thuật viên hạng IV	Phòng Hành chính - Quản trị, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	8N9T	01/5/2013	2.66	V.05.02.08	Đại học ngành Sư phạm Tin học		Kỹ sư Hạng III	Đại học	Anh B	
16	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh		2/24/1988	Kỹ thuật viên hạng IV	Phòng Hành chính - Quản trị, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	8N9T	01/5/2013	2.66	V.05.02.08	Thạc sĩ Vật lý		Kỹ sư Hạng III	UDCNT T CB	Anh B1	
17	Phạm Thu Thảo		11/25/1990	Kỹ thuật viên hạng IV	Trường Tiểu học & THCS Thăng Long, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	8N9T	01/5/2013	2.66	V.05.02.08	Đại học ngành Sư phạm Sinh học		Kỹ sư Hạng III	UDCNT T CB	Anh B	

*Đanh sách trên có 17 người./.*



Phụ lục IIC

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THĂNG HẠNG CDNN TỪ LƯU TRỮ VIÊN TRUNG CẤP HẠNG IV LÊN LƯU TRỮ VIÊN HẠNG III NĂM 2022

(Kèm theo Đề án số 08 /ĐA-UBND ngày 8 tháng 9 năm 2022 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN	Thời gian gần nhất giữ hạng cùng CDNNchuyên ngành đăng ký dự xét		Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	20	
1	Đỗ Đức Cường	9/2/1979		Lưu trữ viên trung cấp	Trung tâm LTLS thuộc Chi cục Văn thư - Lưu trữ	10 năm 5 tháng	10 năm 5 tháng	3.06	V.01.02.03	Đại học Lưu trữ, Kỹ sư CNTT		Bồi dưỡng tiêu chuẩn ngạch chuyên viên	C	Anh B		
2	Trần Minh Kha	5/24/1973		Lưu trữ viên trung cấp	Trung tâm LTLS thuộc Chi cục Văn thư - Lưu trữ	11 năm 7 tháng	10 năm 4 tháng	3.06	V.01.02.03	Trung cấp VT-LT; Đại học Luật		Bồi dưỡng tiêu chuẩn ngạch chuyên viên	B	Anh C		
3	Bùi Thị Minh		10/5/1986	Lưu trữ viên trung cấp	Trung tâm LTLS thuộc Chi cục Văn thư - Lưu trữ	10 năm 3 tháng	10 năm 3 tháng	2.86	V.01.02.03	Đại học Lưu trữ			B	Anh A		

Danh sách trên có 03 người./.





Phụ lục IID

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THĂNG HẠNG CDNN TỪ HƯỚNG DẪN VIÊN VĂN HÓA HẠNG IV LÊN HƯỚNG DẪN VIÊN VĂN HÓA HẠNG III NĂM 2022

(Kèm theo Đề án số 08 /ĐA-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng CDNN	Thời gian gần nhất giữ hạng cùng CDNN (ngành đăng ký dự xét)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Ghi chú
		Nam	Nữ					Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	
1	Nguyễn Văn Việt	11/01/1989		Phó giám đốc	Trung tâm VH TT & TT quận Long Biên	7 năm 8 tháng	4 năm 01 tháng	2.46	V.10.07.24	Đại học: Biên đạo múa, Ngôn ngữ Anh, Luật Kinh tế; Thạc sỹ Quản lý kinh tế	Trung cấp	Hướng dẫn viên văn hóa Hạng III	UDCNTT CB	DH ngành Ngôn ngữ Anh	

Danh sách trên có 01 người./.